

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 11-01-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc;

Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 379/2017/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2017/HSST-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Đình C, sinh năm 1986 tại tỉnh N; thường trú: Khối 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh N; chỗ ở: Khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Đình T (chết) và bà Phan Thị N, sinh năm 1961; vợ tên Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2014; bị cáo có 05 chị em, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/10/2017. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; thường trú: Thôn 5, xã Đ, huyện H, tỉnh T; tạm trú: Số 37/12 (số cũ 77/3D), khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979; thường trú: Ấp 2A, xã T, huyện C, Thành phố H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1983; chỗ ở: Số 37/12 (số cũ 77/3D), khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt;

2. Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1982; thường trú: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh B; chỗ ở: Số 37/12 (số cũ 77/3D), khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đình C là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, do thiếu tiền tiêu xài nên C chuẩn bị 01 đầu đoản bằng kim loại và 01 lưỡi cưa sắt mục đích đi tìm xe mô tô của người dân để trộm. Khoảng 02 giờ ngày 06/10/2017, Phạm Đình C đến trước dãy nhà trọ tại 37/12, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B, C nhìn thấy trước phòng trọ số 3 có dựng 01 xe mô tô hiệu SINUDA biển số 51Y9-5567 nhưng không có người trông coi. Do dãy nhà trọ không khóa cửa mà chỉ có ổ khóa móc bên ngoài, C mở cửa đi vào và lấy ổ khóa móc phía ngoài phòng trọ số 3 nhằm tránh bị chủ trọ phát hiện. C dùng đoản bẻ khóa xe nhưng do xe có dây cáp khóa bánh sau nên C tiếp tục dùng cưa sắt để cưa dây cáp khóa. Trong khi C đang cưa dây cáp thì bị những người trong dãy trọ phát hiện bắt giữ và giao nộp cho Công an phường A, thị xã D xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu SINUDA biển số 51Y9-5567, số máy 002738, số khung 002738; 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại dài 30cm, 01 đầu đoản bằng kim loại được mài nhỏ một đầu dài khoảng 10cm, 01 dây khóa bằng kim loại dạng cáp dài 02m.

Theo kết luận định giá số 267/BB.ĐG ngày 11/10/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là một xe mô tô hiệu Sinuda, số khung 002738, số máy 002738 biển số 51Y9-5567 trị giá 3.600.000 đồng đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 267/BB.ĐG ngày 11/10/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Tại cáo trạng số 01/QĐ - KSĐT ngày 08 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 và Điều 18 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 15 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Đình C mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình C không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/10/2017, Phạm Đình C đã có hành vi lên lút chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Sinuda biển số 51Y9-5567 của người bị hại Nguyễn Văn D, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 3.600.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Phạm Đình C chiếm đoạt tài sản của người bị hại có giá trị 3.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Phạm Đình C thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Đình C không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cũng cần xem xét tình tiết này cho bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó khung hình phạt của tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức phạt tù nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó cần xem xét áp dụng điều luật theo hướng có lợi cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra, người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án là 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại dài 30cm, 01 đầu đoạn bằng kim loại được mài nhỏ một đầu dài khoảng 10cm do bị cáo Phạm Đình C sử dụng làm phương tiện phạm tội và 01 dây khóa bằng kim loại dạng cáp dài 02m. Xét các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đình C phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa đạt).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2017.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đình C phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (03);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (03)
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND TT. Tân Kỳ, H. Tân Kỳ, T. Nghệ An (01);
- THA hình sự (04);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Nguyệt Ánh